
CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ II/2020



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		101,377,620,675	114,116,344,172
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	2,092,414,770	4,216,568,082
1. Tiền	111		2,092,414,770	4,216,568,082
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	0
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		0	16,516,165,715
1. Đầu tư ngắn hạn	121		0	16,516,165,715
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		0	0
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		96,627,483,369	73,519,051,981
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	85,262,738,569	46,168,827,364
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	0	10,030,250,000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.04	10,700,000,000	0
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	664,744,800	17,319,974,617
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		0	0
IV. Hàng tồn kho	140	V.06	219,748,038	16,385,530,713
1. Hàng tồn kho	141		219,748,038	16,385,530,713
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		0	0
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2,437,974,498	3,479,027,681
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07a	26,300,000	26,300,000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2,378,254,381	3,410,563,360
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		33,420,117	42,164,321
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		0	0
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		366,274,221,245	263,342,682,864

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		89,634,579,930	3,922,199,930
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		0	0
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		0	0
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		0	0
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215		0	0
2. Phải thu dài hạn khác	216		89,634,579,930	3,922,199,930
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		0	0
II. Tài sản cố định	220		27,363,952,713	30,109,747,407
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	27,363,952,713	30,109,747,407
- Nguyên giá	222		34,806,085,806	34,806,085,806
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(7,442,133,093)	(4,696,338,399)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		0	0
- Nguyên giá	225		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		0	0
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	0	
- Nguyên giá	228		0	
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		0	
III. Bất động sản đầu tư	230		0	0
- Nguyên giá	231		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		0	0
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		71,900,000	0
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		0	0
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		71,900,000	
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		249,183,897,195	229,291,152,206
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1,956,897,195	2,064,152,206
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		247,227,000,000	227,227,000,000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		0	0
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		0	0
VI. Tài sản dài hạn khác	260		19,891,407	19,583,321

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07b	19,891,407	19,583,321
2. Lợi thế thương mại	269		0	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		467,651,841,920	377,459,027,036
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		88,306,166,872	14,858,847,158
I. Nợ ngắn hạn	310		87,541,666,877	13,955,347,161
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	5,230,591,906	12,480,376,459
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	0	0
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	1,594,320,968	656,457,986
4. Phải trả người lao động	314		173,141,861	175,929,556
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	201,028,982	300,000,000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		0	0
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		0	0
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	9,608,573	9,608,573
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15a	80,278,000,000	278,000,000
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		54,974,587	54,974,587
II. Nợ dài hạn	330		764,499,995	903,499,997
1. Phải trả người bán dài hạn	331		0	0
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		0	0
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15b	764,499,995	903,499,997
4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		0	0
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		379,345,675,048	362,600,179,878
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	379,345,675,048	362,600,179,878
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		180,000,000,000	180,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		180,000,000,000	180,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		0	0
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		0	0
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		2,863,107,311	2,863,107,311
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		0	0
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		195,145,596,507	178,181,426,710
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		178,181,426,710	106,658,323,089

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		16,964,169,797	71,523,103,621
6. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		0	0
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1,336,971,230	1,555,645,857
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
1. Nguồn kinh phí	431		0	0
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 400 + 400)	440		467,651,841,920	377,459,027,036

Lập, ngày 30 tháng 07 năm 2020

Người lập biểu



Hoàng Thanh Hồng

Kế toán trưởng



Phạm Thị Minh Thư

Tổng giám đốc



Đặng Quang Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

QUÝ II NĂM 2020

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	QUÝ II/2020	QUÝ II/2019	Lũy kế từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Lũy kế từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(4)	(5)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		70,472,058,523	65,255,258,445	156,130,948,982	159,693,306,883
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0		0	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.01	70,472,058,523	65,255,258,445	156,130,948,982	159,693,306,883
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	54,635,951,370	49,107,942,603	128,175,935,486	115,913,701,000
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		15,836,107,153	16,147,315,842	27,955,013,496	43,779,605,883
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	460,392,106	1,984,787,287	1,989,243,021	613,453,549
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	10,599,959,638	612,967,236	10,877,097,388	612,967,236
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1,935,375,523	105,835,236	2,212,513,273	105,835,236
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(107,255,012)	0	(107,255,012)	0
9. Chi phí bán hàng	25	VI.05	158,033,642	0	158,033,642	
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	877,183,817	830,117,445	1,477,972,482	2,599,159,952
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4,554,067,150	16,689,018,448	17,323,897,994	41,180,932,244
12. Thu nhập khác	31	VI.07	0	0	0	0
13. Chi phí khác	32	VI.08	24,446,775	20,800	24,477,450	2,620,314

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	QUÝ III/2020	QUÝ III/2019	Lũy kế từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Lũy kế từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
14. Lợi nhuận khác	40		(24,446,775)	(20,800)	(24,477,450)	(2,620,314)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4,529,620,375	16,688,997,648	17,299,420,544	41,178,311,930
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	0	0	0	116,909,000
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0	0	
18. Tổng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4,529,620,375	16,688,997,648	17,299,420,544	41,061,402,930
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		4,400,724,396	16,388,790,805	16,964,169,797	40,224,792,075
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		128,895,979	300,206,843	335,250,747	836,610,855
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.10	244	910	942	3,140
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71	VI.11				

Người lập biểu



Hoàng Thanh Hồng

Kế toán trưởng



Phạm Thị Minh Thư



Đặng Quang Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Quý 2 Năm 2020

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Lũy kế từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		159,631,295,370	199,352,504,935
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(155,674,458,100)	(265,340,537,674)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(804,676,936)	(837,319,543)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(2,227,913,600)	(105,835,236)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05			(261,235,116)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		84,253,298,933	64,158,103,282
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(124,384,312,743)	(77,158,706,145)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(39,206,767,076)	(80,193,025,497)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			(233,891,092)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(18,000,000,000)	(2,500,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		7,300,000,000	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(20,000,000,000)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		46,671,954,070	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		15,971,954,070	(2,733,891,092)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			160,000,000,000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33		116,600,000,000	70,200,000,000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(36,739,000,002)	(97,769,500,001)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(58,750,340,304)	(2,500,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		21,110,659,694	129,930,499,999
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(2,124,153,312)	47,003,583,410
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		4,216,568,082	6,003,776,203

Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70		2,092,414,770	53,007,359,613

Người lập



Hoàng Thanh Hồng

Kế toán trưởng



Phạm Thị Minh Thư



Đặng Quang Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu đô thị Vĩnh Hoàng, phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2020

cho kỳ báo cáo tài chính Quý 2 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** Thương mại và Dịch vụ.
- Ngành nghề kinh doanh**
 - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;
- Mua bán vật tư tiêu hao, phim ảnh, hóa chất y tế;
 - Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác;
 - Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển
Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị y tế.
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng
- Danh sách các công ty con được hợp nhất:**

Các Công ty con:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ vốn góp thực tế	Ngành nghề kinh doanh chính
Công ty Cổ phần sản xuất kinh doanh thiết bị y tế môi trường Phú Thọ	Số 30, Phố Ba Mỏ, Thị trấn Thanh Sơn, Huyện Thanh Sơn, Tỉnh Phú Thọ	98%	Bán buôn máy móc, thiết bị y tế
Công ty Cổ phần đầu tư kỹ thuật cao Cần Thơ	1/57, Đường 30/4, KV2, Phường Lái Hiếu, Thành phố Ngã Bảy, Tỉnh Hậu Giang	98%	Bán buôn máy móc, thiết bị y tế

Các Công ty con đang hoạt động kinh doanh bình thường.

6. Danh sách các công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ vốn góp thực tế	Ngành nghề kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Ứng dụng Công nghệ cao Y tế Nha Trang	Số 39, đường 2/8, thị trấn Khánh Vĩnh, Huyện Khánh Vĩnh, Tỉnh Khánh Hòa	40%	Bán buôn máy móc, thiết bị y tế

Công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu đô thị Vĩnh Hoàng, phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2020

cho kỳ báo cáo tài chính Quý 2 năm 2020

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban lãnh đạo đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sara Việt Nam (công ty mẹ) và công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu đô thị Vinh Hoàng, phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2020
cho kỳ báo cáo tài chính Quý 2 năm 2020

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán và nguyên tắc hạch toán chênh lệch tỷ giá Công ty có phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ JPY

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm. Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo thực tế phát sinh có đầy đủ chứng từ hợp lý hợp lệ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo qui định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối năm khi có sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại vật tư, hàng hóa, sản phẩm tồn kho theo qui định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu...

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu đô thị Vĩnh Hoàng, phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2020

cho kỳ báo cáo tài chính Quý 2 năm 2020

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc thiết bị	05

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, và chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí thực tế phát sinh phải được quyết toán với chi phí phải trả đã trích trước, chênh lệch sẽ được hoàn nhập hoặc hạch toán tiếp vào chi phí.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, trích lập các quỹ, chia cổ tức

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu đô thị Vĩnh Hoàng, phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2020

cho kỳ báo cáo tài chính Quý 2 năm 2020

- Công ty không con nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng./.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó./.

c) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn./.

12. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

13. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

15. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu đô thị Vĩnh Hoàng, phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2020

cho kỳ báo cáo tài chính Quý 2 năm 2020

chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

16. Nợ phải trả tài chính

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu đô thị Vĩnh Hoàng, phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2020

cho kỳ báo cáo tài chính Quý 2 năm 2020

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.562.971.780	1.712.601.332
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	529.442.990	2.503.966.750
Cộng	<u>2.092.414.770</u>	<u>4.216.568.082</u>

2. Chứng khoán kinh doanh

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Công ty Cổ phần Sản xuất	0	-	16.516.165.715	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu đô thị Vĩnh Hoàng, phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2020

cho kỳ báo cáo tài chính Quý 2 năm 2020

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Kinh doanh Dược và Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ				
Cộng	0	-	16.516.165.715	-

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty TNHH đầu tư phát triển Tùng Bách	0	-	8.695.315.000	-
Trung tâm Y tế Huyện Kiến Thụy	578.804.600	-	481.912.200	-
Công ty cổ phần tập đoàn quốc tế Aiko	44.876.753.000	-	0	-
Công ty cổ phần SaRa Vũng Tàu	26.860.000.000	-	0	-
JWB CO.,LTD	11.986.167.151	-	36.324.680.000	-
Trung tâm sản nhi	178.003.350	-	178.003.350	-
Các khách hàng khác	783.010.468	-	488.916.814	-
Cộng	85.262.738.569	-	46.168.827.364	-

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty TNHH Môi trường Y tế Công nghệ cao	0	-	10.000.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	0	-	30.250.000	-
Cộng	0	-	10.030.250.000	-

5. Các khoản phải thu khác**a) Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan			16.485.974.617	-
Công ty Cổ phần Ứng dụng Công nghệ cao Y tế Nha Trang- cổ tức lợi nhuận được chia	0	-	16.485.974.617	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác			834.000.000	-
Ký cược, ký quỹ			604.000.000	-
Cho vay	10.700.000.000			
Tạm ứng	664.744.800		230.000.000	
Cộng	11.364.744.800	-	17.319.974.617	-

b) Dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu của các tổ chức – cá nhân	89.634.579.930		3.922.199.930	
Công ty cổ phần Sara Phú Thọ (a)	3.922.199.930		3.922.199.930	
Công ty cổ phần tập đoàn quốc tế Aiko (b)	27.698.400.000		0	
Công ty cổ phần Sara Vũng Tàu (c)	58.013.980.000		0	

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu đô thị Vĩnh Hoàng, phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2020

cho kỳ báo cáo tài chính Quý 2 năm 2020

Cộng	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	89.634.579.930		3.922.199.930	

(a) Là khoản đầu tư hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Sara Phú Thọ trong Dự án “Khu xử lý tập trung rác thải y tế bằng công nghệ đốt áp suất âm không khói” theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1808/2016/HĐHTKD-SRAPT ngày 15 tháng 11 năm 2016, tổng vốn dự kiến của Dự án là 78.443.998.595 VND, trong đó Công ty Cổ phần Sara Việt Nam góp 3.922.199.930 VND tương đương 5% tổng vốn; thời gian 50 năm, tỷ lệ góp vốn và phân chia lợi nhuận là 5:95.

(b) Là khoản Công ty CP Sara Việt Nam góp tiền vào Công ty cổ phần tập đoàn quốc tế Aiko cho dự án lắp đặt Hệ thống máy Spect tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2020/HĐHT/SRAVN-AIKO với ký ngày 08 tháng 05 năm 2020 với số tiền 27.698.400.000 tỷ lệ vốn góp là 60%, đến ngày 30 tháng 06 năm 2020 công ty đã góp đủ số tiền 27.698.400.000

(c) Là khoản Công ty CP Sara Việt Nam góp tiền vào Công ty cổ phần Sara Vũng Tàu của dự án “Khu xử lý tập trung rác thải y tế bằng công nghệ đốt áp suất âm – không khói trên địa bàn tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu” tại xã Tóc Tiên, huyện Tân Thành theo hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 02/2020/HĐHT/SRAVN-SRAVT ngày 05 tháng 06 năm 2020 với số vốn góp là: 58.013.980.000 với tỷ lệ vốn góp là 47% , đến ngày 30 tháng 06 năm 2020 công ty đã góp đủ 58.013.980.000.

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Hàng hóa	219.748.038	-	16.385.530.713	-
Cộng	219.748.038	-	16.385.530.713	-

7. Chi phí trả trước

a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thuê văn phòng	26.300.000	26.300.000
Cộng	26.300.000	26.300.000

b) Chi phí trả trước dài hạn

Là chi phí công cụ dùng cụ xuất dùng chờ phân bổ.

8. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	32.674.012.898	2.132.072.908	34.806.085.806
Mua trong năm			
Số cuối kỳ	32.674.012.898	2.132.072.908	34.806.085.806
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	4.428.349.371	267.989.028	4.696.338.399
Khấu hao trong kỳ	2.568.121.950	177.672.744	2.745.794.694
Số cuối kỳ	6.996.471.321	445.661.772	7.442.133.093

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu đô thị Vĩnh Hoàng, phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2020

cho kỳ báo cáo tài chính Quý 2 năm 2020

	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Cộng</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	28.245.663.527	1.864.083.880	30.109.747.407
Số cuối kỳ	25.677.541.577	1.686.411.136	27.363.952.713

Tài sản cố định phương tiện vận tải là 05 xe ô tô có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 2.132.072.908 VND và 1.686.411.136 VND đang được thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Tây Hà Nội.

9. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Ứng dụng Công nghệ cao Y tế Nha Trang (a)	1.956.897.195	2.064.152.206
Cộng	1.956.897.195	2.064.152.206

10. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ (a)	204.227.000.000		184.227.000.000	-
Công ty CP Quản lý quỹ Bông Sen (b)	43.000.000.000		43.000.000.000	-
Cộng	247.227.000.000	-	227.227.000.000	-

(a) Là khoản đầu tư vào Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ để đầu tư xây dựng Trung tâm sản Nhi thuộc Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ theo hợp đồng góp vốn số 01/2019/HĐ/BVĐKPT-SRA ngày 23 tháng 9 năm 2019, thời hạn góp là 36 năm. Công ty được cấp Giấy chứng nhận góp vốn tương ứng với từng lần góp vốn. Đến ngày 30 tháng 06 năm 2020, Công ty đã góp vốn vào Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ là 204.227.000.000 VND.

(b) Là khoản ủy thác đầu tư cho Công ty CP Quản lý Quỹ Bông Sen thực hiện các hoạt động đầu tư theo Hợp đồng Quản lý đầu tư số 12/19-03 ký ngày 26 tháng 12 năm 2019, số tiền 43.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty CP Quản lý Quỹ Bông Sen đã đầu tư toàn bộ số tiền trên để mua 4.300.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư bệnh viện Sara.

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan		4.165.833.328
Công ty Cổ phần Ứng dụng Công nghệ cao Y tế Nha Trang	0	4.165.833.328
Phải trả các nhà cung cấp khác		8.314.543.131
Công ty TNHH thương mại và dịch vụ thiết bị vật tư Việt Tiến	380.000.000	1.176.500.000
Công ty TNHH Thiết bị và Dụng cụ Y khoa 3P	4.268.700.000	6.268.700.000
Các nhà cung cấp khác	581.891.906	869.343.131
Cộng	5.230.591.906	12.480.376.459

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu đô thị Vĩnh Hoàng, phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2020

cho kỳ báo cáo tài chính Quý 2 năm 2020

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm			Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Tăng giảm do thoái vốn	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	452,390,054	7,872,628	2.422.234.945	1.446.163.285	-	1.428.461.714	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	116,909,000	33,420,117				116,909,000	33,420,117
Thuế thu nhập cá nhân	87,158,932	871,576	55.459.349	92.796.451		48.950.254	
Các loại thuế khác			7,000,000	7,000,000			
Cộng	656,457,986	42,164,321	2.484.694.294	1.545.959.736		1.594.320.968	33,420,117

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Doanh thu bán vật tư, thiết bị y tế	5%
- Doanh thu cung cấp dịch vụ xét nghiệm, chiếu chụp liên kết với các bệnh viện	Không chịu thuế
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	10%
- Doanh thu xuất khẩu	0%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí ủy thác	0	215.000.000
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	0	85.000.000
Cộng	0	300.000.000

14. Vay và nợ thuê tài chính**a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số kết chuyển từ vay dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn các cá nhân	-	36.600.000.000	-	36.600.000.000	
Vay ngắn hạn ngân hàng	278.000.000	80.000.000.000			80.278.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	903.499.997	-		139.000.002	764.499.995
Cộng	1.181.499.997	116.600.000.000		36.739.000.002	81.042.499.995

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu đô thị Vĩnh Hoàng, phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2020

cho kỳ báo cáo tài chính Quý 2 năm 2020

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Là khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Tiên Phong Chi nhánh Tây Hà Nội theo hợp đồng cho vay số 235/2019/HDTD/HDG/01 ngày 02/04/2019. Mục đích khoản vay để mua 05 xe ô tô, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất vay từ ngày giải ngân đầu tiên đến ngày 03/04/2020 là 9,25%/năm, lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo đến ngày 03/04/2024 được điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần biên độ 5%/năm.

Tài sản bảo đảm là tài sản được hình thành từ vốn vay. Giá trị tài bảo đảm là 1.740.000.000 VND theo hợp đồng thế chấp tài sản số 235/2019/HDBD/HDG/01 ngày 02/04/2019.

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>
Số đầu năm	903.499.997
Số tiền vay phát sinh	
Số tiền vay đã trả	139.000.002
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	
Số cuối kỳ	<u><u>764.499.994</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu đô thị Vĩnh Hoàng, phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2020
 cho kỳ báo cáo tài chính Quý 2 năm 2020

15. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	180.000.000.000	2.863.107.311	106.658.323.089	2.603.246.064	132.124.676.464
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	71.523.103.621	1.495.952.415	73.019.056.036
Số dư cuối kỳ năm trước	180.000.000.000	2.863.107.311	178.181.426.710	1.555.645.857	205.143.732.500
Số dư đầu năm nay	180.000.000.000	2.863.107.311	178.181.426.710	1.555.645.857	362.600.179.878
Tăng vốn bằng tiền (*)	-	-	16.964.169.797	335.250.747	17.299.420.544
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	(553.925.374)	(553.925.374)
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-
Giảm do thoái vốn	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	180.000.000.000	2.863.107.311	195.145.596.507	1.336.971.230	379.345.675.048

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	18.000.000	18.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.000.000	18.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.000.000	18.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	18.000.000	18.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu đô thị Vĩnh Hoàng, phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2020

cho kỳ báo cáo tài chính Quý 2 năm 2020

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Quý II.2020</u>	<u>Quý II.2019</u>
Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	70.472.058.523	65.255.258.445
Cộng	<u>70.472.058.523</u>	<u>65.255.258.445</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý II.2020</u>	<u>Quý II.2019</u>
Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ	54.635.951.370	49.107.942.603
Cộng	<u>54.635.951.370</u>	<u>49.107.942.603</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý II.2020</u>	<u>Quý II.2019</u>
Lãi tiền gửi, lãi chênh lệch tỷ giá	460.392.106	0
Lãi bán chứng khoán kinh doanh	0	0
Cổ tức được chia		1.984.787.287
Cộng	<u>460.392.106</u>	<u>1.984.787.287</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Quý II.2020</u>	<u>Quý II.2019</u>
Chi phí tài chính	10.599.959.638	612.967.236
Cộng	<u>10.599.959.638</u>	<u>612.967.236</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Quý II.2020</u>	<u>Quý II.2019</u>
Chi phí bán hàng	158.033.642	0
Cộng	<u>158.033.642</u>	<u>0</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý II.2020</u>	<u>Quý II.2019</u>
Chi phí quản lý	877.183.817	830.117.445
Cộng	<u>877.183.817</u>	<u>830.117.445</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Quý II.2020</u>	<u>Quý II.2019</u>
Thu nhập khác	0	0
Cộng	<u>0</u>	<u>0</u>

8. Chi phí khác

	<u>Quý II.2020</u>	<u>Quý II.2019</u>
Chi phí khác	24.446.775	20.800
Cộng	<u>24.446.775</u>	<u>20.800</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu đô thị Vĩnh Hoàng, phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2020
cho kỳ báo cáo tài chính Quý 2 năm 2020

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Quý II.2020	Quý II.2019
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.529.620.375	16.688.997.648
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng		
<i>Phạt chậm nộp thuế, bảo hiểm</i>		
<i>Lỗi do thoái vốn</i>		
- Các khoản điều chỉnh giảm	(22.246.223.288)	(2.000.000.000)
<i>Cổ tức được nhận từ công ty con</i>	22.246.223.288	2.000.000.000
Thu nhập chịu thuế	4.529.620.375	14.688.997.648
Lỗi công ty mẹ được quyết toán riêng		
Thu nhập được miễn thuế tại công ty con	(6.444.798.930)	(37.210.194.182)
Lỗi các năm trước được chuyển		
Thu nhập tính thuế		
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp

Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Quý II.2020	Quý II.2019
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.400.724.396	16.388.790.805
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.400.724.396	16.388.790.805
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	18.000.000	
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	244	910

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Lập ngày 30 tháng 07 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU

Hoàng Thanh Hồng

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Phạm Thị Minh Thu

TỔNG GIÁM ĐỐC

Đặng Quang Nam